

Phụ lục 1: MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ (ĐỀ 1)

| TT | Kĩ năng | Nội dung/ đơn vị kiến thức | Mức độ nhận thức | | | | | | | | Tổng % điểm |
|--------------------|----------|---|------------------|----------|-------------|-----------|------------|-----------|--------------|-----------|-------------|
| | | | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Vận dụng cao | | |
| | | | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | |
| 1 | Đọc hiểu | Đoạn trích, văn bản (Ngoài SGK) | 4 | 0 | 4 | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 60 |
| 2 | Viết | Viết được một văn bản nghị luận về tác phẩm truyện/ thơ (Ngoài SGK) | 0 | 1* | 0 | 1* | 0 | 1* | 0 | 1* | 40 |
| Tổng | | | 20 | 5 | 20 | 15 | 0 | 30 | 0 | 10 | 100 |
| Tỉ lệ % | | | 25% | | 35 % | | 30% | | 10% | | |
| Tỉ lệ chung | | | 60% | | | | 40% | | | | |

Phụ lục 2: BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

| TT | Chương/ Chủ đề | Nội dung/ Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức | | | |
|----|-------------------|---|--|----------------------------------|---------------|-------------|--------------------|
| | | | | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| 1 | Đọc hiểu | Đoạn trích (Văn bản ngoài SGK) | <p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được thể loại, ngôi kể, các biện pháp tu từ. - Nhận biết được phương thức biểu đạt. - Nhận biết được bố cục, những chi tiết tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được nội dung chính của văn bản. - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Hiểu được giá trị nội dung, nghệ thuật... <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. - Đánh giá được nội dung, ý nghĩa. - Thông điệp từ văn bản.... | 4 TN | 4TN 1TL | 1TL | 0 |
| 2 | Viết | Viết bài văn nghị luận về tác | Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ/truyện | 1* | 1* | 1* | 1TL* |

phẩm
thơ hoặc
truyện
được rút
ra từ văn
bản
(Ngoài
SGK)

***Nhận biết:**

- Xác định được cấu trúc bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ/truyện

- Xác định được kiểu bài phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ/truyện; vấn đề nghị luận (chủ đề, những đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng)

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

***Thông hiểu:**

- Những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ/truyện.

- Lí giải được một số đặc điểm của thể loại qua tác phẩm.

- Phân tích cụ thể, rõ ràng về tác phẩm thơ/truyện (chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng) với những cứ liệu sinh động.

***Vận dụng:**

- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm thơ/truyện.

- Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm thơ/truyện; vị trí, đóng góp của tác giả.

| | | | | | | |
|--------------------|--|---|----------------------------|----------------------------|-------------|-------------|
| | | <p>*Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. | | | | |
| Tổng | | | 4 TN 1 TL | 4 TN 1 TL | 2 TL | 1 TL |
| Tỉ lệ % | | | 25 | 35 | 30 | 10 |
| Tỉ lệ chung | | | 60 | | 40 | |

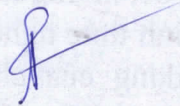
BAN XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

GIÁO VIÊN



Đoàn Thị Hué

TỔ CHUYÊN MÔN



Trần Thị Tâm Tinh

BAN GIÁM HIỆU KÝ DUYỆT



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Quy

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 8 (Đề số 01)

TUẦN 17 - TIẾT 65,66

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Bạn biết chăng, thế gian này có điều kì diệu, đó là không ai có thể là bản sao 100% của ai cả. Bởi thế, bạn là độc nhất, tôi cũng là độc nhất. Chúng ta là những con người độc nhất vô nhị, dù ta đẹp hay xấu, tài năng hay vô dụng, cao hay thấp, mập hay ốm, có năng khiếu ca nhạc hay chỉ biết gào như vịt đực.

Vấn đề không phải là vịt hay thiên nga. Vịt có giá trị của vịt, cũng như thiên nga có giá trị của thiên nga. Vấn đề không phải là hơn hay kém, mà là sự riêng biệt. Và bạn phải biết trân trọng chính bản thân mình. Người khác có thể đóng góp cho xã hội bằng tài kinh doanh hay năng khiếu nghệ thuật, thì bạn cũng có thể đóng góp cho xã hội bằng lòng nhiệt thành và sự lương thiện.

Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn không bao giờ là người trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn hơn ai hết phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó”.

(Bản thân chúng ta là những giá trị có sẵn - Phạm Lữ Ân)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại nào?

- A. Văn bản thông tin
- B. Văn bản nghị luận
- C. Tản văn
- D. Truyện ngắn

Câu 2. Luận đề trong văn bản trên là gì ?

- A. Giá trị của vịt và thiên nga
- B. Trong cuộc sống có người tài giỏi và có người yếu kém
- C. Mỗi người sinh ra có một giá trị riêng biệt
- D. Mỗi người phải chuyên cần cố gắng từng ngày

Câu 3. Đoạn văn thứ 3 được triển khai theo cách nào?

- A. Diễn dịch
- B. Quy nạp
- C. Song song
- D. Phối hợp

Câu 4. Trong các nhóm từ sau, đâu là nhóm từ Hán Việt?

- A. tài năng, vô dụng, thông minh, vượt qua
- B. tài năng, chuyên cần, vô dụng, bẩm sinh

C. tài năng, vô dụng, thông minh, ảm áp

D. tài năng, vô dụng, thông minh, cà vạt

Câu 5. Nghĩa của thành ngữ “độc nhất vô nhị” là:

A. tâm địa độc ác là duy nhất

B. sự khác biệt là độc nhất

C. sự riêng biệt độc đáo là duy nhất

D. duy nhất, độc đáo, chỉ có một không có hai

Câu 6. Điều kì diệu mà tác giả nói tới trong văn bản trên là gì?

A. Vịt có giá trị của vịt, cũng như thiên nga có giá trị của thiên nga

B. Không ai có thể là bản sao 100% của ai cả

C. Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một

D. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thết cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon

Câu 7. Câu văn “*Bạn có thể không hát hay nhưng bạn không bao giờ là người trẻ hèn.*” có vai trò gì trong đoạn văn?

A. Lí lẽ

B. Dẫn chứng

C. Vừa là lí lẽ vừa là dẫn chứng

D. Luận điểm

Câu 8. Trong văn bản trên, tác giả sử dụng chủ yếu biện pháp tu từ gì?

A. Ẩn dụ

B. Đảo ngữ

C. Điệp ngữ

D. So sánh

Câu 9. Nêu thông điệp mà tác giả muốn gửi đến chúng ta qua văn bản?

Câu 10. Vấn đề mà văn bản đề cập đến có ý nghĩa như thế nào với em?

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học thơ trào phúng mà em yêu thích.

----- Hết -----

ĐỀ SỐ 01

| Phần | Câu | Nội dung | Điểm |
|------|-----|--|------------|
| I | | ĐỌC HIỂU | 6,0 |
| | 1 | B | 0,5 |
| | 2 | C | 0,5 |
| | 3 | B | 0,5 |
| | 4 | B | 0,5 |
| | 5 | D | 0,5 |
| | 6 | B | 0,5 |
| | 7 | B | 0,5 |
| | 8 | C | 0,5 |
| | 9 | - Nêu được thông điệp mà văn bản muốn gửi: + Mỗi con người đều có những giá trị tốt đẹp riêng + Hãy biết trân trọng giá trị của bản thân + Phê phán những người sống tiêu cực, ích kỉ, không biết quý trọng bản thân. | 1,0 |
| | 10 | - Vấn đề mà văn bản đề cập đến có ý nghĩa với bản thân mỗi học sinh: Ví dụ: + Giúp học sinh nhận ra giá trị có sẵn tốt đẹp của mình là gì? (vẽ đẹp, nấu ăn ngon, tính tình hòa nhã, thân thiện...) + Bản thân đã thể hiện giá trị đó như thế nào? (Trang trí bảng giúp thầy cô, nấu các bữa ăn ngon cho gia đình, giúp đỡ bạn bè khi khó khăn,...) + Cần làm gì để hoàn thiện bản thân mình hơn? (Cố gắng, nỗ lực phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế để bản thân ngày càng hoàn thiện hơn,...) | 1,0 |
| II | | VIẾT | 4,0 |
| | | a. Đảm bảo về hình thức: một bài văn phân tích một tác phẩm thơ trào phúng, bố cục 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài | 0,25 |
| | | b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Phân tích một bài thơ trào phúng | 0,25 |

| | | |
|--|--|------|
| | 1. Mở bài Giới thiệu tác giả, tên bài thơ và hoàn cảnh ra đời (nếu có). | 0,5 |
| | 2. Thân bài Tùy theo phương án lựa chọn, có thể trình bày thân bài theo một hệ thống ý tương đương. - Phương án 1: · Ý 1: Câu thơ thứ ... (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng) · Ý 2: Câu thơ thứ... (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng) · Ý... - Phương án 2: · Ý 1: Phân tích nội dung bài thơ (đối tượng trào phúng, lí do khiến đối tượng bị phê phán...) · Ý 2: Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật (hình ảnh, biện pháp tu từ được sử dụng...) 3. Kết bài Khái quát ý nghĩa của tiếng cười trào phúng, giá trị nghệ thuật của tác phẩm. | 2,0 |
| | <i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
| | <i>e. Sáng tạo:</i> Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, bố cục mạch lạc, lời văn cảm xúc, sinh động, sáng tạo. | 0,25 |

BAN THẨM ĐỊNH ĐỀ KIỂM TRA

GIÁO VIÊN



Đoàn Thị Huế

TỔ CHUYÊN MÔN



Trần Thị Tâm Tình

**BAN GIÁM HỮU
KÝ DUYỆT**



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Quy

Phụ lục 1: MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ (ĐỀ 2)

| TT | Kĩ năng | Nội dung/đơn vị kiến thức | Mức độ nhận thức | | | | | | | | Tổng % điểm |
|--------------------|----------|--------------------------------|------------------|----------|------------|-----------|------------|-----------|--------------|-----------|-------------|
| | | | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Vận dụng cao | | |
| | | | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | |
| 1 | Đọc hiểu | Truyện cười | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 | | 60 |
| 2 | Viết | Phân tích một tác phẩm văn học | 0 | 1* | 0 | 1* | 0 | 1* | 0 | 1* | 40 |
| Tổng | | | 15 | 5 | 25 | 15 | 0 | 30 | 0 | 10 | 100 |
| Tỉ lệ % | | | 20% | | 40% | | 30% | | 10% | | |
| Tỉ lệ chung | | | 60% | | | | 40% | | | | |

Phụ lục 2: BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

| TT | Chương/ Chủ đề | Nội dung/Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức | | | |
|----|-------------------|---------------------------|---|----------------------------------|------------|----------|--------------|
| | | | | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| 1 | Đọc hiểu | Truyện cười | <p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết đề tài, bối cảnh, cốt truyện, tình huống, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu trong truyện cười. - Nhận biết được các yếu tố gây cười trong truyện cười. - Nhận biết được đối tượng trào phúng, châm biếm trong truyện cười. - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục đích giao tiếp. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được tình cảm, thái độ của tác giả dân gian với đối tượng trào phúng thể hiện qua văn bản. - Phân tích được tác dụng của các chi tiết, tình huống gây cười. - Khái quát, rút ra được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản. - Xác định được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện | 3 TN | 5 TN | 2 TL | |

| | | | | | | | |
|--------------------|------|--------------------------------|---|------|-----|------|------|
| | | | <p>pháp đảo ngữ, câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó được sử dụng trong văn bản. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản. - Vận dụng những hiểu biết về vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học để đánh giá giá trị của truyện cười. | | | | |
| 2 | Viết | Phân tích một tác phẩm văn học | <p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng:</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.</p> | | | | 1TL* |
| Tổng | | | | 3 TN | 5TN | 2 TL | 1 TL |
| Tỉ lệ % | | | | 20 | 40 | 30 | 10 |
| Tỉ lệ chung | | | | 60 | | 40 | |

BAN XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

GIÁO VIÊN

Đoàn Thị Huế

TỔ CHUYÊN MÔN

Trần Thị Tâm Tình

BAN GIÁM HIỆU KÝ
DUYỆT



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Quy

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 8 (Đề số 02)

TUẦN 17 - TIẾT 65,66

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

HAI KIỂU ÁO

Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luôn cúi quan trên, hách dịch với dân, người thợ may bèn hỏi:

- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ ?

Quan lớn ngạc nhiên :

- Nhà người biết để làm gì ?

Người thợ may đáp :

- Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.

Quan ngẫm nghĩ một hồi rồi bảo :

- Thế thì nhà người may cho ta cả hai kiểu.

(Theo Trường Chính - Phong Châu)

Lựa chọn đáp án đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 8:

Câu 1 (0,5 điểm). Nhân vật gây cười trong câu chuyện là ai?

A. Ông quan

B. Người giấu mặt

C. Người thợ may

D. Ông phú ông

Câu 2 (0,5 điểm). Chi tiết nào gây cười trong truyện cười trên?

A. Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ ?

B. “Thế thì nhà người may cho ta cả hai kiểu”.

C. “Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách.”

D. “Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa.”

Câu 3 (0,5 điểm). Câu văn: "Con sư tử nhỏ giá 3000 lượng vàng, con sư tử lớn thì 5000 lượng". thuộc kiểu câu nào trong câu phân loại theo mục đích nói?

A. Trần thuật

B. Cầu khiến

C. Nghi vấn

D. Cảm thán

Câu 4 (0,5 điểm). Em hiểu thế nào về nghĩa của từ “hách dịch”?

A. Thể hiện thái độ hòa nhã, coi trọng của cấp dưới đối với cấp trên.

- B. Thể hiện thái độ ưu ái, quan tâm đến của cấp trên đối với cấp dưới.
C. Thể hiện thái độ ra oai, hách sách người khác do cậy mình có quyền thế.
D. Thể hiện thái độ nhân nhượng của cấp trên đối với cấp dưới.

Câu 5 (0,5 điểm). Chi tiết người thợ may hỏi “quan lớn may chiếc áo này để tiếp
ai?” có ý nghĩa gì?

- A. Có ý nịnh nọt quan để được thưởng.
B. Có ý để quan may thêm một cái áo nữa.
C. Thể hiện thái độ kính trọng đối với quan.
D. Có ý mỉa mai người quan luôn hách dịch với nhân dân và nịnh nọt quan trên.

Câu 6 (0,5 điểm). Anh thợ may trong câu chuyện là người như thế nào?

- A. Ngay thẳng, ghét kẻ nịnh hót, hách dịch, hại dân.
B. Căm ghét bọn quan lại.
C. Thợ may, may âu phục đẹp nhất kinh thành.
D. Khinh ghét người nghèo khổ.

Câu 7 (0,5 điểm). Từ tượng hình “luồn cúi” có tác dụng gì trong việc khắc họa hình ảnh ông quan?

- A. Tính cách hèn hạ đối với cấp trên và hách dịch đối với kẻ dưới.
B. Đối xử không công bằng với kẻ dưới.
C. Hay nịnh nọt cấp trên.
D. Khinh ghét người nghèo khổ.

Câu 8 (0,5 điểm). Nội dung được đề cập trong câu chuyện trên nhằm mục đích gì?

- A. Mua vui, giải trí.
B. Phê phán sự coi thường của người dân đối với quan.
C. Phê phán thói hư, tật xấu của quan lại.
D. Phê phán thói keo kiệt, bủn xỉn của quan.

Câu 9 (1,0 điểm). Hãy nêu bài học ý nghĩa nhất đối với em rút ra từ văn bản trên.

Câu 10 (1,0 điểm). Qua câu chuyện, tác giả dân gian muốn gửi gắm đến chúng ta thông điệp gì?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật mà em yêu thích.

----- Hết -----

ĐỀ SỐ 2

| Phần | Câu | Nội dung | Điểm |
|-------------|--|--|------|
| I. Đọc hiểu | 1 | A | 0,5 |
| | 2 | B | 0,5 |
| | 3 | C | 0,5 |
| | 4 | C | 0,5 |
| | 5 | C | 0,5 |
| | 6 | D | 0,5 |
| | 7 | D | 0,5 |
| | 8 | A | 0,5 |
| | 9 | Bài học: - Đấu tranh với cái xấu, cái chưa tốt để hướng đến cái tốt đẹp trong cuộc sống. - Chúng ta nên có thái độ hòa nhã với tất cả mọi người chứ không nên phân biệt đối xử. | 1,0 |
| | 10 | Thông điệp - Chúng ta cần lên án bọn quan lại luôn tìm cách xu nịnh, luồn lách để được thăng tiến, vợ vét của cải của dân lành về làm giàu cho mình; Thái khinh bỉ, bắt nạt, coi thường những người dân đen nghèo khổ. - Trong cuộc sống cần có cách ứng xử khéo léo | 1,0 |
| | a. Đảm bảo về hình thức: một bài văn phân tích một tác phẩm thơ, bố cục 3 phần: MB, TB, KB. | 0,25 | |
| | b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật mà em yêu. | 0,25 | |
| | c. Hs có trình bày theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 3,0 | |
| | Mở bài: Giới thiệu khái quát ngắn gọn về tác giả và bài thơ. Nêu ý kiến chung về bài thơ. Thân bài: * Phân tích đặc điểm nội dung: - Phân tích hình tượng thơ (hình tượng thiên nhiên, hình tượng con người). | 0,5 0,75 | |

| | | |
|--|--|------------------------------------|
| | - Phân tích cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ. - Khái quát chủ đề của bài thơ... * Phân tích một số nét đặc sắc về nghệ thuật: - Cách sử dụng thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật (theo mô hình chuẩn mực hay có sự cách tân). - Những nét đặc sắc trong nghệ thuật tả cảnh, tả tình. - Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, cấu trúc câu thơ, biện pháp tu từ,...). | 0,5 0,25 0,25 0,25 0,5 |
| | Kết bài: Khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ. | |
| | e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt, trình bày sáng tạo, mới mẻ trong sử dụng từ ngữ, hình ảnh. | 0,5 |

BAN THẨM ĐỊNH ĐỀ KIỂM TRA

GIÁO VIÊN



Đoàn Thị Huệ

TỔ CHUYÊN MÔN



Trần Thị Tâm Tình

**BAN GIÁM HỆU
KÝ DUYỆT**



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Quy